

Số: *88* /QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày *15* tháng *10* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Danh sách sinh viên quy đổi điểm học phần tiếng Anh
Đợt 3, học kỳ I năm học 2022 – 2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-HVCSPT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-HVCSPT ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Học viện về việc Quy định áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của Học viện Chính sách và Phát triển;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa Cơ bản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách sinh viên quy đổi điểm học phần tiếng Anh, Đợt 3, học kỳ I năm học 2022 – 2023 gồm các học phần: (Danh sách kèm theo)

1. Tiếng anh cơ bản 1: 50 sinh viên
2. Tiếng anh cơ bản 2: 60 sinh viên
3. Tiếng anh cơ bản 3: 73 sinh viên
4. Tiếng anh cơ bản 4: 82 sinh viên
5. Tiếng anh IELTS 1.1; IELTS 1.2; IELTS 1.3; IELTS 1.4 : 06 sinh viên
6. Tiếng anh PRE IELTS 1.1; PRE IELTS 1.2; PRE IELTS 1.3; PRE IELTS 1.4: 3 sinh viên

Điều 2. Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa Cơ bản, Trưởng Bộ môn Ngoại ngữ, Người đứng đầu các Khoa chuyên ngành và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Phòng KHTC;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (03b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Thế Hùng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

Mã HP: TACB01

số TC: 3

Lớp: Tiếng Anh cơ bản 1(1-2223_3)_QDD

CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Ghi chú
1	5083106167	Vũ Thị Ngọc An	KTĐN8B	565 TOEIC	10	10	10	10	10	
2	5083105004	Mai Đức Anh	QLC8	81 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
3	7103106103	Mai Thị Lan Anh	Thương mại quốc tế và Logistics 1 K10	375 TOEIC	5	5	5	5	5	
4	5093105002	Nguyễn Phương Anh	Quản lý công K9	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
5	5093401068	Trương Phương Anh	Quản trị doanh nghiệp 9B	460 TOEFL	10	10	10	10	10	
6	5083402147	Vũ Thị Minh Anh	TC8B	457 TOEFL	10	10	10	10	10	
7	5093106162	Trần Thị Kim Chi	Kinh tế đối ngoại 9B	457 TOEFL	10	10	10	10	10	
8	5093101179	Nguyễn Thùy Dung	Kế hoạch phát triển 9B	455 TOEIC	10	10	10	10	10	
9	7123101012	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	Đầu tư 12A	615 TOEIC	10	10	10	10	10	
10	5093101336	Vũ Tiến Đạt	Đầu tư 9A	590 TOEIC	10	10	10	10	10	
11	7103101317	Đào Đức Giang	Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh	453 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
12	5083101155	Hoàng Thị Giang	KHPT8B	490 TOEIC	10	10	10	10	10	
13	5083402155	Nguyễn Linh Giang	TC8B	467 TOEFL	10	10	10	10	10	
14	7103105009	Vũ Hương Giang	Kinh tế phát triển	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
15	5083101269	Nguyễn Thị Thu Hà	ĐT8B	485 TOEIC	10	10	10	10	10	
16	5093105009	Trần Thanh Hiền	Quản lý công K9	480 TOEIC	10	10	10	10	10	
17	5083101115	Nguyễn Đức Hiệp	KHPT8A	610 TOEIC	10	10	10	10	10	
18	5083401083	Nguyễn Văn Hiều	QTDN8B	450 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
19	5093401026	Đoàn Mạnh Hùng	Quản trị doanh nghiệp 9A	460 TOEIC	10	10	10	10	10	
20	7103402021	Nguyễn Thu Huyền	Kế toán, kiểm toán 10A	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
21	7123112094	HOÀNG THU HUƠNG	Dữ liệu lớn K12	450 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
22	71138107055	NGUYỄN MINH KHUÊ	Luật Đầu tư Kinh doanh 2 K11	480 TOEIC	10	10	10	10	10	
23	5093401033	Vũ Thị Lan	Quản trị doanh nghiệp 9A	495 TOEIC	10	10	10	10	10	
24	5093101138	Hoàng Khánh Linh	Kế hoạch phát triển 9A	453 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
25	5093105014	Hồ Thị Thùy Linh	Quản lý công K9	480 TOEIC	10	10	10	10	10	
26	5093402014	Đỗ Xuân Lộc	Ngân hàng K9	60 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
27	5083101283	Nguyễn Thị Diệu Ly	ĐT8B	465 TOEIC	10	10	10	10	10	
28	5083401104	Đỗ Thanh Mai	QTDN8B	460 TOEIC	10	10	10	10	10	
29	7103401220	Huỳnh Thị Mai	Quản trị marketing 10A	480 TOEIC	10	10	10	10	10	
30	5093105017	Nguyễn Thị Thúy Nga	Quản lý công K9	450 TOEIC	10	10	10	10	10	
31	5093101366	Lê Thị Minh Ngọc	Đầu tư 9A	463 TOEFL	10	10	10	10	10	
32	5093401044	Nguyễn Thị Nhiên	Quản trị doanh nghiệp 9A	495 TOEIC	10	10	10	10	10	
33	7103106153	Nguyễn Ngọc Lam Phương	Thương mại quốc tế và Logistics 1 K10	590 TOEIC	10	10	10	10	10	
34	5093101216	Lưu Trang Quỳnh	Kế hoạch phát triển 9B	625 TOEIC	10	10	10	10	10	
35	5093101306	Vũ Thúy Quỳnh	Đầu tư 9B	575 TOEIC	10	10	10	10	10	
36	5093101310	Nguyễn Phương Thảo	Đầu tư 9B	595 TOEIC	10	10	10	10	10	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Ghi chú
37	5083106154	Vũ Thị Thu	KTĐN8A	540 TOEIC	10	10	10	10	10	
38	5093401115	Đinh Thị Thuý	Quản trị doanh nghiệp 9B	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
39	5083401128	Đào Thị Thủy	QTDN8B	410 TOEIC	10	10	10	10	10	
40	7103401286	Lê Thị Anh Thư	Quản trị marketing 10B	600 TOEIC	10	10	10	10	10	
41	5093401052	Nguyễn Thị Thư	Quản trị doanh nghiệp 9A	630 TOEIC	10	10	10	10	10	
42	7103401043	Đỗ Thu Trang	Quản trị doanh nghiệp 10A	467 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
43	5093401118	Nguyễn Thị Thu Trang	Quản trị doanh nghiệp 9B	467 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
44	5093101226	Tô Hoài Trang	Kế hoạch phát triển 9B	505 TOEIC	10	10	10	10	10	
45	5093106263	Trần Ngọc Thu Trang	Kinh tế đối ngoại 9C	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
46	5093401120	Vũ Thùy Trang	Quản trị doanh nghiệp 9B	453 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
47	5073101272	Lê Thị Phương Trinh	Đầu tư 7A	75 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
48	5083101248	Nguyễn Ngọc Trinh	ĐT8A	470 TOEIC	10	10	10	10	10	
49	5093101319	Nguyễn Thu Uyên	Đầu tư 9B	470 TOEIC	10	10	10	10	10	
50	5083402191	Trần Thanh Vân	TC8B	65 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2022

Giảng viên giảng dạy

(ký, họ tên)

Phan

Phạm Thị Hà

K.T. Trưởng phòng QLĐT

(ký, họ tên)

Phạm Ngọc Tr

P. Trưởng khoa/Bộ môn

(ký, họ tên)

Đoàn Thị Hoa

Đoàn Thị Hoa

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

Mã HP: TACB02

số TC: 3

Lớp: Tiếng Anh cơ bản 2(1-2223_3)_QDD

CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Ghi chú
1	5083106167	Vũ Thị Ngọc An	KTĐN8B	565 TOEIC	10	10	10	10	10	
2	5083105004	Mai Đức Anh	QLC8	81 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
3	5093105002	Nguyễn Phương Anh	Quản lý công K9	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
4	5093401068	Trương Phương Anh	Quản trị doanh nghiệp 9B	460 TOEFL	10	10	10	10	10	
5	5083402147	Vũ Thị Minh Anh	TC8B	457 TOEFL	10	10	10	10	10	
6	5093105005	Nguyễn Thế Bảo	Quản lý công K9	473 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
7	5093106162	Trần Thị Kim Chi	Kinh tế đối ngoại 9B	457 TOEFL	10	10	10	10	10	
8	7103402147	Bùi Minh Chiến	Tài chính đầu tư K10	72 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
9	5093101179	Nguyễn Thùy Dung	Kế hoạch phát triển 9B	455 TOEIC	10	10	10	10	10	
10	7123101012	NGUYỄN THỊ DUƠNG	Đầu tư 12A	615 TOEIC	10	10	10	10	10	
11	5093101339	Mạc Thái Dương	Đầu tư 9A	485 TOEIC	10	10	10	10	10	
12	5093101336	Vũ Tiến Đạt	Đầu tư 9A	590 TOEIC	10	10	10	10	10	
13	5093106220	Lê Anh Đức	Kinh tế đối ngoại 9C	695 TOEIC	10	10	10	10	10	
14	7103101317	Đào Đức Giang		453 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
15	5083101155	Hoàng Thị Giang	KHPT8B	490 TOEIC	10	10	10	10	10	
16	5083402155	Nguyễn Linh Giang	TC8B	467 TOEFL	10	10	10	10	10	
17	7103105009	Vũ Hương Giang	Kinh tế phát triển	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
18	5083101269	Nguyễn Thị Thu Hà	ĐT8B	485 TOEIC	10	10	10	10	10	
19	5093105009	Trần Thanh Hiền	Quản lý công K9	480 TOEIC	10	10	10	10	10	
20	5083101115	Nguyễn Đức Hiệp	KHPT8A	610 TOEIC	10	10	10	10	10	
21	5083401083	Nguyễn Văn Hiếu	QTDN8B	450 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
22	7123403017	TRẦN THỊ HẰNG	Kế toán kiểm toán 12A	645 TOEIC	10	10	10	10	10	
23	7103401211	Lê Thu Hoài	Quản trị marketing 10A	540 TOEIC	10	10	10	10	10	
24	5093401026	Đoàn Mạnh Hùng	Quản trị doanh nghiệp 9A	460 TOEIC	10	10	10	10	10	
25	7103402021	Nguyễn Thu Huyền	Kế toán, kiểm toán 10A	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
26	7123112094	HOÀNG THU HƯƠNG	Dữ liệu lớn K12	450 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
27	5093401033	Vũ Thị Lan	Quản trị doanh nghiệp 9A	495 TOEIC	10	10	10	10	10	
28	5093101138	Hoàng Khánh Linh	Kế hoạch phát triển 9A	453 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
29	5093105014	Hồ Thị Thùy Linh	Quản lý công K9	480 TOEIC	10	10	10	10	10	
30	5093101198	Phạm Thị Linh	Kế hoạch phát triển 9B	555 TOEIC	10	10	10	10	10	
31	5093402014	Đỗ Xuân Lộc	Ngân hàng K9	60 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
32	5083401101	Nguyễn Thị Tâm Lương	QTDN8B	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
33	5083101283	Nguyễn Thị Diệu Ly	ĐT8B	465 TOEIC	10	10	10	10	10	
34	5083401104	Đỗ Thanh Mai	QTDN8B	460 TOEIC	10	10	10	10	10	
35	7103401220	Huỳnh Thị Mai	Quản trị marketing 10A	480 TOEIC	10	10	10	10	10	
36	5093105017	Nguyễn Thị Thúy Nga	Quản lý công K9	450 TOEIC	10	10	10	10	10	
37	5093101366	Lê Thị Minh Ngọc	Đầu tư 9A	463 TOEFL	10	10	10	10	10	
38	5093401044	Nguyễn Thị Nhiên	Quản trị doanh nghiệp 9A	495 TOEIC	10	10	10	10	10	
39	5093101153	Đinh Tiểu Phụng	Kế hoạch phát triển 9A	477 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	

40	7103106153	Nguyễn Ngọc Lam Phương	Thương mại quốc tế và Logistics 12A	590 TOEIC	10	10	10	10	10	
41	5093101216	Lưu Trang Quỳnh	Kế hoạch phát triển 9B	625 TOEIC	10	10	10	10	10	
42	5093101306	Vũ Thúy Quỳnh	Đầu tư 9B	575 TOEIC	10	10	10	10	10	
43	5093101310	Nguyễn Phương Thảo	Đầu tư 9B	595 TOEIC	10	10	10	10	10	
44	5083106154	Vũ Thị Thu	KTĐN8A	540 TOEIC	10	10	10	10	10	
45	5093401115	Đinh Thị Thuý	Quản trị doanh nghiệp 9B	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
46	7103401286	Lê Thị Anh Thư	Quản trị marketing 10B	600 TOEIC	10	10	10	10	10	
47	5093401052	Nguyễn Thị Thư	Quản trị doanh nghiệp 9A	630 TOEIC	10	10	10	10	10	
48	7103105032	Phạm Ngọc Toàn	Kinh tế phát triển	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
49	7123101146	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Đầu tư 12B	460 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
50	7103401043	Đỗ Thu Trang	Quản trị doanh nghiệp 10A	467 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
51	5093401118	Nguyễn Thị Thu Trang	Quản trị doanh nghiệp 9B	467 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
52	5093106263	Trần Ngọc Thu Trang	Kinh tế đối ngoại 9C	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
53	5093401120	Vũ Thùy Trang	Quản trị doanh nghiệp 9B	453 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
54	5073101272	Lê Thị Phương Trinh	Đầu tư 7A	75 TOEFL IBT	10	10	10	10	10	
55	5083101248	Nguyễn Ngọc Trinh	ĐT8A	470 TOEIC	10	10	10	10	10	
56	7103105036	Tiêu Thị Tuyền	Kinh tế phát triển	535 TOEIC	10	10	10	10	10	
57	5093101319	Nguyễn Thu Uyên	Đầu tư 9B	470 TOEIC	10	10	10	10	10	
58	5083402191	Trần Thanh Vân	TC8B	65 TOEFL IBT	10	10	10	10	10	
59	7103401297	Vũ Mai Vi	Quản trị marketing 10B	575 TOEIC	10	10	10	10	10	
60	5093101166	Vũ Hải Yến	Kế hoạch phát triển 9A	450 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	

K.T. Trưởng phòng QLĐT
(ký, họ tên)

Phạm Ngọc Trụ

P. Trưởng khoa/Bộ môn
(ký, họ tên)

Đỗ Thị Hoa

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2022
Giảng viên giảng dạy
(ký, họ tên)

Phạm Thị Hà

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

Mã HP: TACB03

số TC: 3

Lớp: Tiếng Anh cơ bản 3(1-2223_3)_QDD

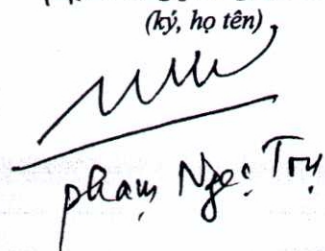
CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Ghi chú
1	5093105001	Lương Trường An	Quản lý công K9	460 TOEIC	9	9	9	9	9	
2	5083106167	Vũ Thị Ngọc An	KTĐN8B	565 TOEIC	10	10	10	10	10	
3	5083105004	Mai Đức Anh	QLC8	81 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
4	5093105002	Nguyễn Phương Anh	Quản lý công K9	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
5	5093105004	Nguyễn Phương Anh	Quản lý công K9	565 TOEIC	10	10	10	10	10	
6	5083402106	Trần Thị Vân Anh	TC8A	535 TOEIC	10	10	10	10	10	
7	5083402147	Vũ Thị Minh Anh	TC8B	457 TOEFL	9	9	9	9	9	
8	5083101205	Vũ Thị Ngọc Anh	ĐT8A	560 TOEIC	10	10	10	10	10	
9	5093105005	Nguyễn Thế Bảo	Quản lý công K9	473 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
10	7123101158	NGUYỄN NGỌC BÍCH	Mã sinh viên quốc tế K12	467 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
11	5093106162	Trần Thị Kim Chi	Kinh tế đối ngoại 9B	457 TOEFL	9	9	9	9	9	
12	7103402147	Bùi Minh Chiến	Tài chính đầu tư K10	72 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
13	5093401014	Lê Mỹ Dung	Quản trị doanh nghiệp 9A	455 TOEIC	9	9	9	9	9	
14	5093101179	Nguyễn Thùy Dung	Kế hoạch phát triển 9B	455 TOEIC	9	9	9	9	9	
15	7123101012	NGUYỄN THỊ DUƠNG	Đầu tư 12A	615 TOEIC	10	10	10	10	10	
16	5093101336	Vũ Tiến Đạt	Đầu tư 9A	590 TOEIC	10	10	10	10	10	
17	5093106220	Lê Anh Đức	Kinh tế đối ngoại 9C	695 TOEIC	10	10	10	10	10	
18	7103101317	Đào Đức Giang	Mã sinh viên quốc tế K12	453 TOEFL ITP	9	9	9	9	9	
19	5083101155	Hoàng Thị Giang	KHPT8B	490 TOEIC	10	10	10	10	10	
20	5083402155	Nguyễn Linh Giang	TC8B	467 TOEFL	10	10	10	10	10	
21	7103105009	Vũ Hương Giang	Kinh tế phát triển	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
22	5083101269	Nguyễn Thị Thu Hà	ĐT8B	485 TOEIC	10	10	10	10	10	
23	5093105009	Trần Thanh Hiền	Quản lý công K9	480 TOEIC	10	10	10	10	10	
24	5083101115	Nguyễn Đức Hiệp	KHPT8A	610 TOEIC	10	10	10	10	10	
25	5083401083	Nguyễn Văn Hiếu	QTDN8B	450 TOEFL ITP	9	9	9	9	9	
26	7123403017	TRẦN THỊ HẰNG	Xã luận tiến tiến 12A	645 TOEIC	10	10	10	10	10	
27	5093401026	Đoàn Mạnh Hùng	Quản trị doanh nghiệp 9A	460 TOEIC	9	9	9	9	9	
28	7103402021	Nguyễn Thu Huyền	Xã luận, tiến tiến 10A	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
29	7103106027	Vũ Thị Huyền	Kinh tế đối ngoại K10	635 TOEIC	10	10	10	10	10	
30	7123112094	HOÀNG THU HƯƠNG	Dữ liệu lớn K12	450 TOEFL ITP	9	9	9	9	9	
31	5093401033	Vũ Thị Lan	Quản trị doanh nghiệp 9A	495 TOEIC	10	10	10	10	10	
32	5063101216	Trần Thị Liên	Quy hoạch phát triển 9	490 TOEIC	10	10	10	10	10	
33	5093101138	Hoàng Khánh Linh	Xã luận phát triển 9A	453 TOEFL ITP	9	9	9	9	9	
34	5093105014	Hồ Thị Thùy Linh	Quản lý công K9	480 TOEIC	10	10	10	10	10	
35	7103101030	Nguyễn Thị Linh	Kinh tế đầu tư 10A	655 TOEIC	10	10	10	10	10	
36	5093101201	Đỗ Hải Long	Xã luận phát triển 9B	505 TOEIC	10	10	10	10	10	
37	5093402014	Đỗ Xuân Lộc	Ngân hàng K9	60 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
38	5083401101	Nguyễn Thị Tâm Lương	QTDN8B	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
39	5083101283	Nguyễn Thị Diệu Ly	ĐT8B	465 TOEIC	9	9	9	9	9	
40	5083401104	Đỗ Thanh Mai	QTDN8B	460 TOEFL ITP	9	9	9	9	9	
41	7103401220	Huỳnh Thị Mai	Quản trị marketing 10A	480 TOEIC	10	10	10	10	10	
42	5093105017	Nguyễn Thị Thúy Nga	Quản lý công K9	450 TOEIC	9	9	9	9	9	
43	7123101197	ĐÀO KIM NGÂN	Mã sinh viên quốc tế K12	453 TOEIC	9	9	9	9	9	

44	5083101288	Tạ Bích Ngân	ĐT8B	500 TOEIC	10	10	10	10	10	
45	5093101366	Lê Thị Minh Ngọc	Đầu tư 9A	463 TOEFL	10	10	10	10	10	
46	5093401044	Nguyễn Thị Nhiên	Quản trị doanh nghiệp 9A	495 TOEIC	10	10	10	10	10	
47	5093101153	Đinh Tiểu Phụng	Kế hoạch phát triển 9A	477 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
48	5093106197	Nguyễn Minh Phương	Kinh tế đối ngoại 9B	485 TOEIC	10	10	10	10	10	
49	7103106153	Nguyễn Ngọc Lam Phương	Hàng hóa xuất nhập khẩu 10A	590 TOEIC	10	10	10	10	10	
50	7103106050	Bùi Hương Quỳnh	Kinh tế đối ngoại K10	605 TOEIC	10	10	10	10	10	
51	5093101216	Lưu Trang Quỳnh	Kế hoạch phát triển 9B	625 TOEIC	10	10	10	10	10	
52	5093101306	Vũ Thúy Quỳnh	Đầu tư 9B	575 TOEIC	10	10	10	10	10	
53	5093101310	Nguyễn Phương Thảo	Đầu tư 9B	595 TOEIC	10	10	10	10	10	
54	7103402197	Nguyễn Thị Phương Thảo	Kế toán, kiểm toán 10A	450 TOEFL ITP	9	9	9	9	9	
55	5083106154	Vũ Thị Thu	KTĐN8A	540 TOEIC	10	10	10	10	10	
56	5093401115	Đinh Thị Thuý	Quản trị doanh nghiệp 9B	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
57	7103401286	Lê Thị Anh Thư	Quản trị marketing 10B	600 TOEIC	10	10	10	10	10	
58	5093401052	Nguyễn Thị Thư	Quản trị doanh nghiệp 9A	630 TOEIC	10	10	10	10	10	
59	7103105032	Phạm Ngọc Toàn	Kinh tế phát triển	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
60	7123101146	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Đầu tư 12B	460 TOEFL ITP	9	9	9	9	9	
61	7103401043	Đỗ Thu Trang	Quản trị doanh nghiệp 10A	467 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
62	5093401118	Nguyễn Thị Thu Trang	Quản trị doanh nghiệp 9B	467 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
63	7103402159	Phạm Quỳnh Trang	Tài chính đầu tư K10	450 TOEFL ITP	9	9	9	9	9	
64	5093101226	Tô Hoài Trang	Kế hoạch phát triển 9B	505 TOEIC	10	10	10	10	10	
65	5093106263	Trần Ngọc Thu Trang	Kinh tế đối ngoại 9C	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
66	5093401120	Vũ Thùy Trang	Quản trị doanh nghiệp 9A	453 TOEFL ITP	9	9	9	9	9	
67	5073101272	Lê Thị Phương Trinh	Đầu tư 7A	75 TOEFL IBT	10	10	10	10	10	
68	5083101248	Nguyễn Ngọc Trinh	ĐT8A	470 TOEIC	9	9	9	9	9	
69	7103105036	Tiêu Thị Tuyền	Kinh tế phát triển	535 TOEIC	10	10	10	10	10	
70	5083101147	Nguyễn Thị Tuyết	KHPT8A	645 TOEIC	10	10	10	10	10	
71	5093101319	Nguyễn Thu Uyên	Đầu tư 9B	470 TOEIC	9	9	9	9	9	
72	5083402191	Trần Thanh Vân	TC8B	65 TOEFL IBT	10	10	10	10	10	
73	7103401297	Vũ Mai Vi	Quản trị marketing 10B	575 TOEIC	10	10	10	10	10	

K.T. Trưởng phòng QLĐT

(ký, họ tên)


Phạm Ngọc Trụ

P. Trưởng khoa/Bộ môn

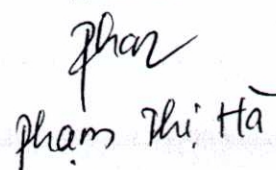
(ký, họ tên)


Đỗ Thu Hoa

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2022

Giảng viên giảng dạy

(ký, họ tên)


Phạm Thị Hà

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh cơ bản 4

Mã HP: TACB04

số TC: 3

Lớp: Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223_3)_QDD

CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Ghi chú
1	5093105001	Lương Trường An	Quản lý công K9	460 TOEIC	8	8	8	8	8	
2	5083106167	Vũ Thị Ngọc An	KTĐN8B	565 TOEIC	10	10	10	10	10	
3	5083105004	Mai Đức Anh	QLC8	81 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
4	5093105002	Nguyễn Phương Anh	Quản lý công K9	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
5	5093105004	Nguyễn Phương Anh	Quản lý công K9	565 TOEIC	10	10	10	10	10	
6	5093402102	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Tài chính K9	520 TOEIC	10	10	10	10	10	
7	5083402106	Trần Thị Vân Anh	TC8A	535 TOEIC	10	10	10	10	10	
8	5093401068	Trương Phương Anh	Quản trị doanh nghiệp 18	460 TOEFL	8	8	8	8	8	
9	5083402147	Vũ Thị Minh Anh	TC8B	457 TOEFL	8	8	8	8	8	
10	5083101205	Vũ Thị Ngọc Anh	ĐT8A	560 TOEIC	10	10	10	10	10	
11	5093105005	Nguyễn Thế Bảo	Quản lý công K9	473 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
12	7123101158	NGUYỄN NGỌC BÍCH	Hà sản và quản lý dự án K12	467 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
13	5093106162	Trần Thị Kim Chi	Kinh tế đối ngoại 9B	457 TOEFL	8	8	8	8	8	
14	7103402147	Bùi Minh Chiến	Tài chính đầu tư K10	72 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
15	5093401014	Lê Mỹ Dung	Quản trị doanh nghiệp 1A	455 TOEIC	8	8	8	8	8	
16	5093101179	Nguyễn Thùy Dung	Kế hoạch phát triển 18	455 TOEIC	8	8	8	8	8	
17	7123105078	ĐẶNG KHÁNH DƯƠNG	Kế hoạch phát triển K12	473 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
18	7123101012	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	Đầu tư 12A	615 TOEIC	10	10	10	10	10	
19	5093101336	Vũ Tiến Đạt	Đầu tư 9A	590 TOEIC	10	10	10	10	10	
20	5093106220	Lê Anh Đức	Kinh tế đối ngoại 9C	695 TOEIC	10	10	10	10	10	
21	7103101317	Đào Đức Giang		453 TOEFL ITP	8	8	8	8	8	
22	5083101155	Hoàng Thị Giang	KHPT8B	490 TOEIC	9	9	9	9	9	
23	5083402155	Nguyễn Linh Giang	TC8B	467 TOEFL	10	10	10	10	10	
24	7103105009	Vũ Hương Giang	Kinh tế phát triển	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
25	5083101269	Nguyễn Thị Thu Hà	ĐT8B	485 TOEIC	9	9	9	9	9	
26	5093105009	Trần Thanh Hiền	Quản lý công K9	480 TOEIC	9	9	9	9	9	
27	5083101115	Nguyễn Đức Hiệp	KHPT8A	610 TOEIC	10	10	10	10	10	
28	5083401083	Nguyễn Văn Hiếu	QTDN8B	450 TOEFL ITP	8	8	8	8	8	
29	7123106026	TRẦN THỊ HIỀN	Kinh tế đối ngoại K12	480 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
30	7123106024	NGUYỄN THU HẰNG	Kinh tế đối ngoại K12	480 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
31	7123403017	TRẦN THỊ HẰNG	Kế toán kiểm toán 12A	645 TOEIC	10	10	10	10	10	
32	5093401026	Đoàn Mạnh Hùng	Quản trị doanh nghiệp 1A	460 TOEIC	8	8	8	8	8	
33	5093401028	Nguyễn Quang Huy	Quản trị doanh nghiệp 1A	470 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
34	7103402021	Nguyễn Thu Huyền	Kế toán, kiểm toán 10A	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
35	7103106027	Vũ Thị Huyền	Kinh tế đối ngoại K10	635 TOEIC	10	10	10	10	10	
36	7123403037	VŨ MINH HUYỀN	Kế toán kiểm toán 12A	483 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
37	5093401033	Vũ Thị Lan	Quản trị doanh nghiệp 1A	495 TOEIC	9	9	9	9	9	
38	5063101216	Trần Thị Liên	Quản lý phát triển 6	490 TOEIC	10	10	10	10	10	
39	5093101138	Hoàng Khánh Linh	Kế hoạch phát triển 1A	453 TOEFL ITP	8	8	8	8	8	
40	5093105014	Hồ Thị Thùy Linh	Quản lý công K9	480 TOEIC	9	9	9	9	9	
41	7103101030	Nguyễn Thị Linh	Kinh tế đầu tư 10A	655 TOEIC	10	10	10	10	10	
42	5093402014	Đỗ Xuân Lộc	Ngân hàng K9	60 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	

43	5083401101	Nguyễn Thị Tâm	Lương	QTDN8B	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
44	5083101283	Nguyễn Thị Diệu	Ly	ĐT8B	465 TOEIC	8	8	8	8	8	
45	5083401104	Đỗ Thanh	Mai	QTDN8B	460 TOEFL ITP	8	8	8	8	8	
46	7103401220	Huỳnh Thị	Mai	Quản trị marketing 10A	480 TOEIC	9	9	9	9	9	
47	7103807043	Vũ Thị Kiều	My	Lịch sử và văn hóa K10	670 TOEIC	10	10	10	10	10	
48	5093105017	Nguyễn Thị Thúy	Nga	Quản lý công K9	450 TOEIC	8	8	8	8	8	
49	7123101197	ĐÀO KIM	NGÂN	Đầu tư và quản lý tài sản K10	453 TOEFL ITP	8	8	8	8	8	
50	5083101288	Tạ Bích	Ngân	ĐT8B	500 TOEIC	10	10	10	10	10	
51	5093101366	Lê Thị Minh	Ngọc	Đầu tư 9A	463 TOEFL	10	10	10	10	10	
52	5093401044	Nguyễn Thị	Nhiên	Quản trị doanh nghiệp 9A	495 TOEIC	9	9	9	9	9	
53	5093101153	Đinh Tiểu	Phụng	Kế hoạch phát triển 9A	477 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
54	7123402028	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	Tài chính 12A	470 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
55	5093106197	Nguyễn Minh	Phương	Kinh tế đối ngoại 9B	485 TOEIC	9	9	9	9	9	
56	7103106153	Nguyễn Ngọc Lam	Phương	Thương mại quốc tế và ngoại ngữ K10	590 TOEIC	10	10	10	10	10	
57	7103106050	Bùi Hương	Quỳnh	Kinh tế đối ngoại K10	605 TOEIC	10	10	10	10	10	
58	5093402137	Đỗ Ngọc Như	Quỳnh	Tài chính K9	535 TOEIC	10	10	10	10	10	
59	5093101216	Lưu Trang	Quỳnh	Kế hoạch phát triển 9B	625 TOEIC	10	10	10	10	10	
60	5093101306	Vũ Thúy	Quỳnh	Đầu tư 9B	575 TOEIC	10	10	10	10	10	
61	5083101237	Bùi Quang	Tân	ĐT8A	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
62	7123101130	ĐOÀN NHẬT	THÀNH	Đầu tư 12B	5.0 IELTS	10	10	10	10	10	
63	5093101310	Nguyễn Phương	Thảo	Đầu tư 9B	595 TOEIC	10	10	10	10	10	
64	5083106154	Vũ Thị	Thu	KTĐN8A	540 TOEIC	10	10	10	10	10	
65	5093401115	Đinh Thị	Thúy	Quản trị doanh nghiệp 9B	550 TOEIC	10	10	10	10	10	
66	7103401286	Lê Thị Anh	Thư	Quản trị marketing 10B	600 TOEIC	10	10	10	10	10	
67	5093401052	Nguyễn Thị	Thư	Quản trị doanh nghiệp 9A	630 TOEIC	10	10	10	10	10	
68	7103105032	Phạm Ngọc	Toàn	Kinh tế phát triển	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
69	7123101146	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	Đầu tư 12B	460 TOEFL ITP	8	8	8	8	8	
70	7103401043	Đỗ Thu	Trang	Quản trị doanh nghiệp 10A	467 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
71	5093402148	Nguyễn Thị	Trang	Tài chính K9	72 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
72	5093401118	Nguyễn Thị Thu	Trang	Quản trị doanh nghiệp 9B	467 TOEFL ITP	10	10	10	10	10	
73	5093106263	Trần Ngọc Thu	Trang	Kinh tế đối ngoại 9C	510 TOEIC	10	10	10	10	10	
74	5093401120	Vũ Thùy	Trang	Quản trị doanh nghiệp 9B	453 TOEFL ITP	8	8	8	8	8	
75	5073101272	Lê Thị Phương	Trình	Đầu tư 7A	75 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
76	5083101248	Nguyễn Ngọc	Trình	ĐT8A	470 TOEIC	8	8	8	8	8	
77	7103105036	Tiểu Thị	Tuyền	Kinh tế phát triển	535 TOEIC	10	10	10	10	10	
78	5083101147	Nguyễn Thị	Tuyết	KHPT8A	645 TOEIC	10	10	10	10	10	
79	5093101319	Nguyễn Thu	Uyên	Đầu tư 9B	470 TOEIC	8	8	8	8	8	
80	5083402191	Trần Thanh	Vân	TC8B	65 TOEFL iBT	10	10	10	10	10	
81	7103401297	Vũ Mai	Vi	Quản trị marketing 10B	575 TOEIC	10	10	10	10	10	
82	5093106269	Trần Thanh	Xuân	Kinh tế đối ngoại 9C	465 TOEIC	8	8	8	8	8	

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2022

Giảng viên giảng dạy

(ký, họ tên)

Phạm Thị Hà

KT. Trưởng phòng QLĐT

(ký, họ tên)

Phạm Ngọc Trụ

P. Trưởng khoa/Bộ môn

(ký, họ tên)

Đỗ Thị Hoa

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh IELTS 1.1

Mã HP: NNIL1.1

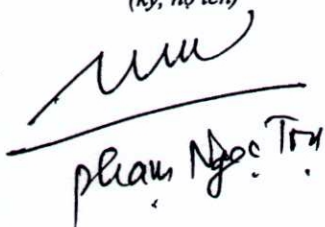
Lớp: Tiếng Anh IELTS 1.1(1-2223_3)_QDD

số TC: 6

CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Quy về điểm chữ	Ghi chú
1	5083106533	Hoàng Minh Đạt	Kinh tế đối ngoại - CLC 2 K2	6.0 IELTS	10	10	10	10	10		
2	5093106387	Nguyễn Thị Huyền Lương	Kinh tế đối ngoại - Chất lượng cao 1	5.5 IELTS	10	10	10	10	10		
3	5083106546	Vũ Duy Minh	Kinh tế đối ngoại - CLC 2 K2	6.0 IELTS	10	10	10	10	10		
4	5093106418	Hoàng Hùng Sơn	Tài chính - Chất lượng cao 9	5.5 IELTS	10	10	10	10	10		
5	5093106328	Bùi Trương Thảo	Kinh tế đối ngoại - Chất lượng cao 9	6.0 IELTS	10	10	10	10	10		
6	5093106419	Phạm Thanh Trang	Tài chính - Chất lượng cao 9	77 TOEFL iBT	10	10	10	10	10		

K. Trưởng phòng QLĐT
(ký, họ tên)

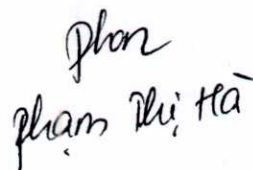

Phạm Ngọc Tr.

P. Trưởng khoa/Bộ môn
(ký, họ tên)


Đỗ Thị Hoa

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2022

Giảng viên giảng dạy
(ký, họ tên)


Phạm Thị Hà

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh IELTS 1.2

Mã HP: NNIL1.2

Lớp: Tiếng Anh IELTS 1.2(1-2223_3)_QDD

số TC: 6

CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Quy về điểm chữ	Ghi chú
1	5083106533	Hoàng Minh Đạt	Chức danh người - IELTS 1.2	6.0 IELTS	10	10	10	10	10		
2	5093106387	Nguyễn Thị Huyền Lương	Chức danh người - IELTS 1.2	5.5 IELTS	10	10	10	10	10		
3	5083106546	Vũ Duy Minh	Chức danh người - IELTS 1.2	6.0 IELTS	10	10	10	10	10		
4	5093106418	Hoàng Hùng Sơn	Tên khác - Chức danh người	5.5 IELTS	10	10	10	10	10		
5	5093106328	Bùi Trương Thảo	Chức danh người - Chức danh người	6.0 IELTS	10	10	10	10	10		
6	5093106419	Phạm Thanh Trang	Tên khác - Chức danh người	77 TOEFL iBT	10	10	10	10	10		

Trưởng phòng QLĐT
(ký, họ tên)

Trưởng khoa/Bộ môn
(ký, họ tên)

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2022

Giảng viên giảng dạy
(ký, họ tên)


Phạm Ngọc Trý


Đỗ Thị Hoa


Phạm Thị Hà

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh IELTS 1.3

Mã HP: NNIL1.3

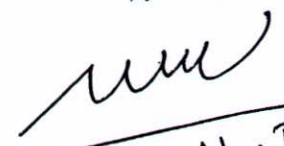
số TC: 6

Lớp: Tiếng Anh IELTS 1.3(1-2223_3)_QDD

CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Quy về điểm chữ	Ghi chú
1	5083106533	Hoàng Minh Đạt	Điểm thi ngoại - CMC 1.3	6.0 IELTS	10	10	10	10	10		
2	5093106387	Nguyễn Thị Huyền Lương	Điểm thi ngoại - Chỉ trong học	5.5 IELTS	9	9	9	9	9		
3	5083106546	Vũ Duy Minh	Điểm thi ngoại - CMC 1.3	6.0 IELTS	10	10	10	10	10		
4	5093106418	Hoàng Hùng Sơn	TĐ chính - Chỉ trong học	5.5 IELTS	9	9	9	9	9		
5	5093106328	Bùi Trương Thảo	Điểm thi ngoại - Chỉ trong học	6.0 IELTS	10	10	10	10	10		
6	5093106419	Phạm Thanh Trang	TĐ chính - Chỉ trong học	7.7 TOEFL iBT	10	10	10	10	10		

KT. Trưởng phòng QLĐT
(ký, họ tên)


Phạm Ngọc Trĩ

P. Trưởng khoa/Bộ môn
(ký, họ tên)


Đỗ Thị Hoa

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2022

Giảng viên giảng dạy
(ký, họ tên)


Phạm Thị Hà

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh IELTS 1.4

Mã HP: NNIL1.4

Số TC: 6

Lớp: Tiếng Anh IELTS 1.4(1-2223_3)_QDD

CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Quy về điểm chữ	Ghi chú
1	5083106533	Hoàng Minh Đạt	TIẾNG ANH - IELTS 1.4	6.0 IELTS	9	9	9	9	9		
2	5093106387	Nguyễn Thị Huyền Lương	TIẾNG ANH - IELTS 1.4	5.5 IELTS	8	8	8	8	8		
3	5083106546	Vũ Duy Minh	TIẾNG ANH - IELTS 1.4	6.0 IELTS	9	9	9	9	9		
4	5093106418	Hoàng Hùng Sơn	TIẾNG ANH - IELTS 1.4	5.5 IELTS	8	8	8	8	8		
5	5093106328	Bùi Trương Thảo	TIẾNG ANH - IELTS 1.4	6.0 IELTS	9	9	9	9	9		
6	5093106419	Phạm Thanh Trang	TIẾNG ANH - IELTS 1.4	77 TOEFL iBT	9	9	9	9	9		

KT. Trưởng phòng QLĐT
(ký, họ tên)

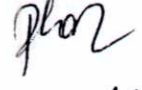

Phạm Ngọc Trụ

P. Trưởng khoa/Bộ môn
(ký, họ tên)


Đỗ Thị Hoa

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2022

Giảng viên giảng dạy
(ký, họ tên)


Phạm Thị Hà

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh IELTS 1.1

số TC: 6

Mã HP: NNIL1.1

Lớp: Tiếng Anh IELTS 1.1(122_3)_QDD_PRE

CB giảng dạy:

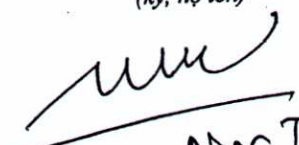
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Quy về điểm chữ	Ghi chú
1	5093106318	Vũ Nguyễn Hồng Long		5.5 IELTS	10	10	10	10	10		
2	5093106395	Đỗ Trung Thành		7.0 IELTS	10	10	10	10	10		
3	5093106423	Nguyễn Thành Trung		5.5 IELTS	10	10	10	10	10		

KT. Trưởng phòng QLĐT
(ký, họ tên)

P. Trưởng khoa/Bộ môn
(ký, họ tên)

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2022

Giảng viên giảng dạy
(ký, họ tên)


Phạm Ngọc Trụ


Đỗ Thị Hoa


Phạm Thị Hà

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh IELTS 1.2

Mã HP: NNIL1.2

Lớp: Tiếng Anh IELTS 1.2(122_3)_QDD_PRE

số TC: 6

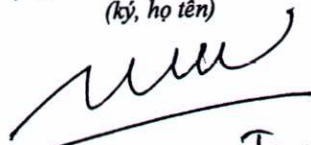
CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Quy về điểm chữ	Ghi chú
1	5093106318	Vũ Nguyễn Hồng Long		5.5 IELTS	10	10	10	10	10		
2	5093106395	Đỗ Trung Thành		7.0 IELTS	10	10	10	10	10		
3	5093106423	Nguyễn Thành Trung		5.5 IELTS	10	10	10	10	10		

KT. Trưởng phòng QLĐT
(ký, họ tên)

P. Trưởng khoa/Bộ môn
(ký, họ tên)

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2022
Giảng viên giảng dạy
(ký, họ tên)


Phạm Ngọc Trụ


Đỗ Thị Hoa


Phạm Thị Hoa

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh IELTS 1.3

Mã HP: NNIL1.3

Lớp: Tiếng Anh IELTS 1.3(122_3)_QDD_PRE

số TC: 6

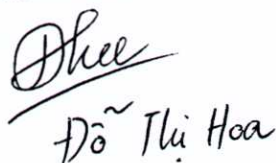
CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Quy về điểm chữ	Ghi chú
1	5093106318	Vũ Nguyễn Hồng Long	TRƯỜNG CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	5.5 IELTS	9	9	9	9	9		
2	5093106395	Đỗ Trung Thành	TRƯỜNG CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	7.0 IELTS	10	10	10	10	10		
3	5093106423	Nguyễn Thành Trung	TRƯỜNG CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	5.5 IELTS	9	9	9	9	9		

KT Trưởng phòng QLĐT
(ký, họ tên)

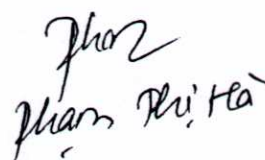

phạm Ngọc Trụ

P. Trưởng khoa/Bộ môn
(ký, họ tên)


Đỗ Thị Hoa

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2022

Giảng viên giảng dạy
(ký, họ tên)


Phạm Thị Hà

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 1 Năm học 2022_2023

Tên học phần: Tiếng Anh IELTS 1.4

số TC: 6

Mã HP: NNIL1.4

Lớp: Tiếng Anh IELTS 1.4(122_3)_QDD_PRE

CB giảng dạy:

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm thi chứng chỉ quốc tế	DG	KT	NOI	VIET	TKHP	Quy về điểm chữ	Ghi chú
1	5093106318	Vũ Nguyễn Hồng Long	Học sinh - Chỉ học ngoại ngữ	5.5 IELTS	8	8	8	8	8		
2	5093106395	Đỗ Trung Thành	Thạc sĩ - Chỉ học ngoại ngữ	7.0 IELTS	10	10	10	10	10		
3	5093106423	Nguyễn Thành Trung	Từ khóa - Chỉ học ngoại ngữ	5.5 IELTS	8	8	8	8	8		

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2022

Giảng viên giảng dạy

(ký, họ tên)

Phạm Thị Hoa

KT. Trưởng phòng QLĐT
(ký, họ tên)

Phạm Ngọc Trụ

KT. Trưởng khoa/Bộ môn
(ký, họ tên)

Đỗ Thị Hoa